

Nguyễn Mạnh Hưởng
Nguyễn Thị Huyền Anh
Nguyễn Thị Ngọc Yến



ĐỘT PHÁ 8+ MÔN LỊCH SỬ

KÌ THI THPT QUỐC GIA



VIDEO HỖ TRỢ SÁCH



HỆ THỐNG THI THỬ



HỖ TRỢ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC



CCBOOK



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

PHẦN 1. ĐỊNH HƯỚNG PHƯƠNG PHÁP ÔN LUYỆN VÀ LÀM BÀI THI

1. Nội dung kiến thức ôn luyện
2. Phương pháp ôn luyện và làm bài thi
3. Một vài lưu ý

PHẦN 2. KIẾN THỨC CẦN ĐẠT VÀ HỆ THỐNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

LỚP 12

LỊCH SỬ THẾ GIỚI 1945 – 2000

- Chủ đề 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ hai
- Chủ đề 2. Liên Xô (1945 - 1991), Liên bang Nga (1991 – 2000)
- Chủ đề 3. Các nước Á, Phi và Mĩ Latinh (1945 - 2000)
- Chủ đề 4. Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 – 2000)
- Chủ đề 5. Quan hệ quốc tế
- Chủ đề 6. Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa

LỊCH SỬ VIỆT NAM 1919 - 2000

- Chủ đề 1. Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930
- Chủ đề 2. Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945
- Chủ đề 3. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954
- Chủ đề 4. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975
- Chủ đề 5. Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000

LỚP 10 VÀ 11

LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ NGUYÊN THỦY ĐẾN NĂM 1945

- Chủ đề 1. Xã hội nguyên thủy
- Chủ đề 2. Xã hội cổ đại
- Chủ đề 3. Châu Á thời phong kiến

Chủ đề 4. Tây Âu thời trung đại

Chủ đề 5. Các cuộc cách mạng tư sản (từ giữa thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII)

Chủ đề 6. Các nước Âu - Mỹ (từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX)

Chủ đề 7. Phong trào công nhân (từ đầu thế kỉ XIX đến thế kỉ XX)

Chủ đề 8. Các nước Châu Á, Châu Phi và khu vực Mỹ Latinh (Thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX)

Chủ đề 9. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)

Chủ đề 10. Những thành tựu văn hóa thời cận đại

Chủ đề 11. Cách mạng tháng mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921- 1941)

Chủ đề 12. Các nước tư bản chủ nghĩa giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918-1939)

Chủ đề 13. Châu Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939)

Chủ đề 14. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUYÊN THỦY ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Chủ đề 1. Việt Nam từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X

Chủ đề 2. Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV

Chủ đề 3. Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII

Chủ đề 4. Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX

Chủ đề 5. Việt Nam từ năm 1858 đến cuối thế kỉ XIX

Chủ đề 6. Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến hết chiến tranh thế giới thứ nhất (1918)

CHỦ ĐỀ 2: XÃ HỘI CỔ ĐẠI

LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

I. Các quốc gia cổ đại phương Đông

1. Điều kiện hình thành

- ♦ Lực vực các sông lớn.
- ♦ Công cụ: đồng thau, đá, tre, gỗ...
- ♦ Nghề nông làm gốc.
- ♦ Nhu cầu trị thủy.

2. Sự thành lập

Phân hóa giàu nghèo $\Rightarrow$ giai cấp, nhà nước ra đời.

- Ai Cập (thiên niên kỉ IV TCN).
- Lưỡng Hà (thiên niên kỉ IV TCN).
- Ấn Độ (thiên niên kỉ III TCN).
- Trung Quốc (thế kỉ XXI TCN).



3. Xã hội

Vua chuyên chế

Quý tộc (quan lại)

Nông dân công xã

Nô lệ



Vườn treo Babylon

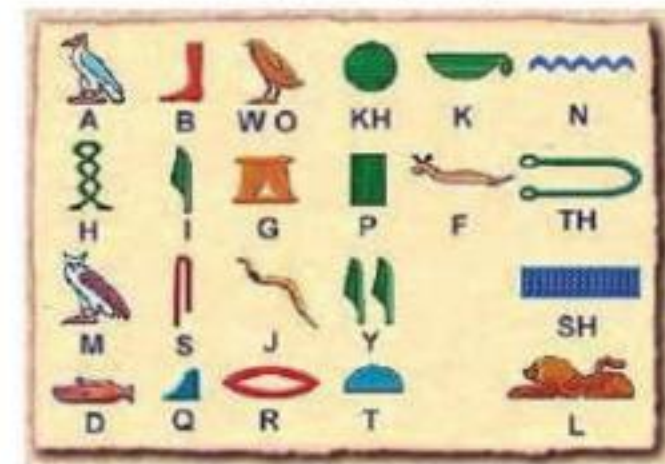
4. Thành tựu

Lịch: Tính thời gian: 1 năm (365 ngày), 1 ngày có 24 giờ.

Khoa học:

- * Người Ai Cập tính được số Pi = 3,16, biết tính diện tích.
- * Người Ấn Độ sáng tạo ra chữ số từ 0 đến 9.

Chữ viết: Chữ tượng hình, sau đó là tượng ý, tượng thanh.



Chữ tượng hình Ai Cập cổ

Kiến trúc: Công trình đồ sộ: Kim tự tháp, vườn treo, thành thị cổ.

II. Các quốc gia cổ đại phương Tây - Hi Lạp và Rô-ma

1. Thiên nhiên và đời sống con người

- ◆ Hi Lạp, Rô-ma nằm ở ven biển Địa Trung Hải.
- ◆ Đầu thiên niên kỉ I TCN, bắt đầu biết chế tạo công cụ bằng sắt.
- ◆ Thủ công nghiệp rất phát đạt.
- ◆ Thương nghiệp đường biển phát triển.



2. Thị quốc Địa Trung Hải

- ◆ Hình thành ven bờ Địa Trung Hải: diện tích nhỏ, buôn bán phát triển...
- ◆ Thể chế dân chủ.
- ◆ Thế kỉ III TCN, thị quốc Rô-ma lớn mạnh đi xâm chiếm các nước khác, trở thành đế quốc Rô-ma.



3. Thành tựu

Lịch: Tính thời gian: 1 năm có 365 ngày và 1/4 ngày.

Chữ viết: Chữ tượng hình, sau đó là hệ thống chữ cái A, B, C..., hệ số La Mã (I, II, III...).

KHKT: Khái quát lên thành các định đề, định lí: Ta-let, Pi-ta-go, Ô-clit.

Văn học: Các bộ sử thi: I-li-át và Ô-đi-xê.

Nghệ thuật: Tạc tượng, xây dựng đền thờ.



▶▶▶ CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Khi xã hội nguyên thủy tan rã, cư dân cổ đại ở phương Đông thường quần tụ tại

- A. vùng rừng núi.
- B. vùng trung du.
- C. lưu vực các con sông lớn.
- D. vùng sa mạc.

Câu 2. Công việc nào đã khiến người dân ở phương Đông có quan hệ gắn bó với nhau trong công xã?

- A. Trồng lúa nước.
- B. Trị thủy.
- C. Chăn nuôi.
- D. Làm nghề thủ công.

Câu 3. Các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành trong khoảng thời gian nào?

- A. Khoảng thiên niên kỉ IV - III TCN.
- B. Khoảng thiên niên kỉ III - II TCN.
- C. Khoảng thiên niên kỉ V TCN.
- D. Khoảng thiên niên kỉ II - I TCN.

Câu 4. Quốc gia cổ đại nào được hình thành sớm nhất?

- A. Ấn Độ.
- B. Trung Quốc.
- C. Ai Cập.
- D. Văn Lang.

Câu 5. Nhà nước phương Đông cổ đại là nhà nước

- A. cộng hòa quý tộc.
- B. dân chủ chủ nô.
- C. quân chủ lập hiến.
- D. quân chủ chuyên chế.

Câu 6. Ở Ai Cập, đứng đầu nhà nước là

- A. Pharaôn.
- B. En-xi.
- C. Thiên tử.
- D. Hoàng đế.

Câu 7. Đối tượng nào **không** thuộc tầng lớp thống trị ở các quốc gia cổ đại phương Đông?

- A. Quý tộc, quan lại.
- B. Tăng lữ.
- C. Chủ ruộng đất.
- D. Nông dân công xã.

Câu 8. Ở Ấn Độ, những quốc gia cổ đại đầu tiên được hình thành vào khoảng

- A. đầu thiên niên kỉ III TCN.
- B. giữa thiên niên kỉ III TCN.
- C. đầu thiên niên kỉ II TCN.
- D. cuối thiên niên kỉ I TCN.

Câu 9. Ở Trung Quốc, vương triều Hạ được hình thành trên lưu vực

- A. sông Nin.
- B. sông Hoàng Hà.
- C. sông Ấn.
- D. sông Ơ-phơ-rát và Ti-gơ-rơ.

Câu 10. Theo “nông lịch” của các quốc gia cổ đại phương Đông, một năm có

- A. 365 ngày.
- B. 360 ngày.
- C. 356 ngày.
- D. 366 ngày.

Câu 11. Lực lượng đông đảo nhất trong xã hội cổ đại phương Đông là

- A. nông dân công xã.
- B. nô lệ.
- C. quý tộc.
- D. tăng lữ.

Câu 12. Ở các quốc gia cổ đại phương Đông, tầng lớp thấp kém nhất là

- A. nông dân công xã.
- B. thợ thủ công.
- C. tầng lữ.
- D. nô lệ.

Câu 13. Ở các quốc gia cổ đại phương Đông, tầng lớp nô lệ có nguồn gốc xuất thân từ

- A. nông dân công xã bị cướp đoạt ruộng đất.
- B. những người phạm tội.
- C. tù binh chiến tranh.
- D. tù binh chiến tranh và những nông dân nghèo không trả được nợ.

Câu 14. Ngành sản xuất giữ vai trò chủ đạo trong đời sống kinh tế của cư dân các quốc gia cổ đại phương Đông là

- A. nông nghiệp.
- B. thủ công nghiệp.
- C. thương nghiệp.
- D. thủ công nghiệp và thương nghiệp.

Câu 15. Nguyên nhân thúc đẩy sự ra đời sớm của những tri thức về Thiên văn học và Lịch pháp học ở các quốc gia cổ đại phương Đông là gì?

- A. Nhu cầu cúng tế các vị thần linh.
- B. Nhu cầu phát triển buôn bán bằng đường biển.
- C. Nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp.
- D. Nhu cầu tìm hiểu vũ trụ, thế giới của con người.

Câu 16. Nguyên nhân chính dẫn đến sự liên kết, hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông là

- A. nhu cầu trị thủy và xây dựng công trình thủy lợi.
- B. nhu cầu tự vệ, chống các thế lực xâm lăng.
- C. nhu cầu phát triển thương nghiệp.
- D. nhu cầu xây dựng các công trình, lăng tẩm lớn.

Câu 17. Đặc trưng nổi bật nhất của chế độ quân chủ chuyên chế là

- A. mọi quyền hành tập trung trong tay vua và quý tộc.
- B. mọi quyền hành tập trung trong tay quý tộc.
- C. mọi quyền hành tập trung trong tay quý tộc và địa chủ.
- D. mọi quyền hành tập trung trong tay vua.

Câu 18. Nguyên nhân thúc đẩy sự ra đời sớm của những tri thức về Toán học ở các quốc gia cổ đại phương Đông là gì?

- A. Nhu cầu tính toán trong quan hệ trao đổi, buôn bán hàng hóa.
- B. Nhu cầu tính toán lại diện tích ruộng đất sau khi ngập nước.
- C. Nhu cầu tính toán để xây dựng các công trình kiến trúc.
- D. Nhu cầu phát triển giáo dục, nâng cao dân trí.

Câu 19. Quá trình cải biến chữ viết của cư dân các quốc gia cổ đại phương Đông diễn ra lần lượt là

- A. chữ tượng hình, chữ tượng thanh, chữ tượng ý.
- B. chữ tượng hình, chữ tượng ý, chữ tượng thanh.
- C. chữ tượng ý, chữ tượng hình, chữ tượng thanh.
- D. chữ tượng thanh, chữ tượng ý, chữ tượng hình.

Câu 20. Cho các dữ kiện sau:

1. Nhà nước cổ đại được thành lập ở Ai Cập tại lưu vực sông Nin.
2. Vương triều Hạ được hình thành ở lưu vực sông Hoàng Hà.
3. Các quốc gia cổ đại của người Ấn Độ ra đời trên lưu vực sông Ấn.

Hãy sắp xếp theo thứ tự thời gian xuất hiện của các nhà nước cổ đại?

- A. 1, 2, 3.
- B. 1, 3, 2.
- C. 2, 1, 3.
- D. 3, 1, 2.

Câu 21. Ý nào **không** phản ánh đúng những hạn chế của chữ viết do cư dân các quốc gia cổ đại phương Đông sáng tạo ra?

- A. Nhiều hình, nét, kí hiệu nên khả năng phổ biến bị hạn chế.
- B. Các kí hiệu, hình nét không ổn định mà luôn thay đổi.
- C. Khó có thể diễn đạt các khái niệm phức tạp, trừu tượng.
- D. Số lượng các chữ ít, gây khó khăn cho việc diễn đạt.

Câu 22. Yếu tố nào sau đây **không** phải là nhân tố tác động đến sự hình thành nền văn hóa truyền thống của các quốc gia cổ đại phương Đông?

- A. Điều kiện tự nhiên.
- B. Đặc điểm kinh tế.
- C. Đặc điểm chính trị.
- D. Đặc điểm nhân chủng.

Câu 23. Công trình kiến trúc nào sau đây của cư dân phương Đông được đánh giá là một trong bảy kì quan của thế giới cổ đại?

- A. Thành thị cổ Ha-rap-pa.
- B. Kim tự tháp Giza.
- C. Cổng I-sơ-ta thành Ba-bi-lon.
- D. Lăng mộ Tần Thủy Hoàng.

Câu 24. So với các quốc gia cổ đại phương Tây, đời sống kinh tế của cư dân các quốc gia cổ đại phương Đông có điểm gì khác biệt?

- A. Nông nghiệp là ngành kinh tế giữ vai trò chủ đạo.
- B. Thủ công nghiệp là ngành kinh tế giữ vai trò chủ đạo.
- C. Thủ công nghiệp và thương nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo.
- D. Nông nghiệp đóng vai trò bổ trợ cho thủ công nghiệp.

Câu 25. Cư dân vùng Địa Trung Hải bắt đầu biết chế tạo công cụ bằng sắt vào khoảng

- A. đầu thiên niên kỉ I TCN.
- B. đầu thiên niên kỉ II TCN.
- C. cuối thiên niên kỉ II TCN.
- D. đầu thiên niên kỉ III TCN.

Câu 26. Phần lớn lãnh thổ của các quốc gia cổ đại phương Tây được hình thành trên những vùng

- A. đồng bằng châu thổ màu mỡ.
- B. cao nguyên.
- C. núi và cao nguyên.
- D. đồng bằng châu thổ nhỏ hẹp.

Câu 27. Ngành sản xuất nào xuất hiện sớm và phát triển mạnh nhất ở khu vực Địa Trung Hải?

- A. Nông nghiệp.
- B. Chăn nuôi.
- C. Thủ công nghiệp.
- D. Thủ công nghiệp và thương nghiệp.

Câu 28. Hoạt động sản xuất nông nghiệp ở khu vực Địa Trung Hải chủ yếu là

- A. trồng lúa nước.
- B. chăn nuôi gia súc, gia cầm.
- C. trồng những cây lưu niên có giá trị cao như: nho, ô liu, cam, chanh...
- D. trồng các loại cây hương liệu, gia vị như: quế, hồi, hồ tiêu....

Câu 29. Xã hội chiếm nô ở Hi Lạp và Rô-ma có hai giai cấp cơ bản là

- A. địa chủ và nông dân.
- B. quý tộc và nông dân.
- C. chủ nô và nô lệ.
- D. chủ nô và nông dân công xã.

Câu 30. Quyền lực xã hội ở các quốc gia cổ đại phương Tây nằm trong tay

- A. chủ nô, chủ xưởng, nhà buôn.
- B. quan lại, quý tộc.
- C. bộ lão của thị tộc.
- D. người bình dân.

Câu 31. Theo phép tính lịch của người Rô-ma, một năm có

- A. 365 ngày và $\frac{1}{4}$ ngày.
- B. 365 ngày.
- C. 366 ngày.
- D. 364 ngày.

Câu 32. Các nhà toán học nổi tiếng của phương Tây cổ đại là

- A. Ta-lét, Pi-ta-go, Pát-xcan.
- B. Ta-lét, Pi-ta-go, Ô-clit.
- C. Pi-ta-go, Ô-clit, Pát-xcan.
- D. Ta-lét, Ô-clit, Pát-xcan.

Câu 33. Hô-mê là tác giả của những bộ sử thi nổi tiếng nào dưới đây?

- A. I-li-at và Ô-đi-xê.
- B. Ma-ha-bha-ra-ta và I-li-at.
- C. Ra-ma-ya-na và Ô-đi-xê.
- D. Ra-ma-ya-na và Ma-ha-bha-ra-ta.

Câu 34. Bản chất của nền dân chủ cổ đại phương Tây là

- A. dân chủ chủ nô.
- B. dân chủ tư sản.
- C. dân chủ nhân dân.
- D. dân chủ quý tộc.

Câu 35. Nguyên nhân chủ yếu khiến nền sản xuất nông nghiệp ở các quốc gia cổ đại phương Tây **không** phát triển là gì?

- A. Không có các đồng bằng màu mỡ, rộng lớn.
- B. Phần lớn lãnh thổ là núi và cao nguyên, đất đai khô rắn, rất khó canh tác.
- C. Khí hậu khắc nghiệt không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.
- D. Sản xuất nông nghiệp không đem lại nguồn lợi lớn bằng thủ công nghiệp và buôn bán.

Câu 36. Ý nào **không** phản ánh đúng nguyên nhân vào thời cổ đại, ở phương Tây chỉ hình thành các thị quốc nhỏ?

- A. Đất đai bị phân tán thành nhiều vùng nhỏ, ngăn cách nhau bởi đồi núi.
- B. Đất đai bị phân tán nên không có điều kiện để tập trung dân cư.
- C. Các bộ lạc có quan hệ đối địch, mâu thuẫn nên không muốn liên kết với nhau thành một nhà nước thống nhất.
- D. Cư dân sống thiên về nghề buôn và nghề thủ công, không cần sự tập trung đông đúc.

Câu 37. Nền văn hóa cổ đại Hi Lạp và Rô-ma hình thành và phát triển **không** dựa trên cơ sở nào?

- A. Nghề nông trồng lúa tương đối phát triển.
- B. Nền sản xuất thủ công nghiệp phát triển cao.
- C. Hoạt động thương mại rất phát đạt.
- D. Thể chế dân chủ tiến bộ.

Câu 38. Ý **không** phản ánh đúng nội dung dân chủ của các thị quốc cổ đại phương Tây?

- A. Không tồn tại ngôi vua chuyên chế.
- B. Tất cả mọi công dân từ 18 tuổi trở lên đều tham gia Đại hội công dân.
- C. Đại hội công dân bầu ra các cơ quan nhà nước quyết định mọi công việc.
- D. Hội đồng 500 có vai trò như quốc hội, bầu ra 10 viên chức điều hành như chính phủ.

Câu 39. Công trình kiến trúc nào của cư dân phương Tây cổ đại được đánh giá là một trong bảy kì quan của thế giới cổ đại?

- | | |
|------------------------|-------------------------------|
| A. Đấu trường ở Rô-ma. | B. Tượng thần Zeus ở Olympia. |
| C. Đền Pác-tê-nông. | D. Khải hoàn môn Trai-an. |

Câu 40. So với các quốc gia cổ đại phương Đông, đời sống kinh tế của cư dân các quốc gia cổ đại phương Tây có điểm gì khác biệt?

- A. Nông nghiệp là ngành kinh tế giữ vai trò chủ đạo.
- B. Thủ công nghiệp là ngành kinh tế giữ vai trò chủ đạo.
- C. Thủ công nghiệp và thương nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo.
- D. Nông nghiệp đóng vai trò bổ trợ cho thủ công nghiệp.

Đáp án

1. C	2. B	3. A	4. C	5. D	6. A	7. D	8. B	9. B	10. A
11. A	12. D	13. D	14. A	15. C	16. A	17. D	18. B	19. B	20. B
21. D	22. D	23. B	24. A	25. A	26. C	27. D	28. C	29. C	30. A
31. A	32. B	33. A	34. A	35. B	36. C	37. A	38. B	39. B	40. C

CHỦ ĐỀ 3: VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954

LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

I. Việt Nam một năm đầu sau Cách mạng tháng Tám (2/9/1945 - 19/12/1946)

Việt Nam năm đầu sau cách mạng **tháng Tám**

BỐI CẢNH

Khó khăn:

- ◆ Ngoại xâm, nội phản: 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc ở phía Bắc, quân Anh – Pháp ở phía Nam, cả nước có 6 vạn quân Nhật.
- ◆ Nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.

Bối cảnh:

- ◆ Nhân dân giành quyền làm chủ.
- ◆ Sự lãnh đạo của Đảng, chủ tịch Hồ Chí Minh.
- ◆ Cách mạng thế giới phát triển.



XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN, GIẢI QUYẾT KHÓ KHĂN

- ◆ **Xây dựng chính quyền:** Bầu cử Quốc hội, ban hành Hiến pháp, xây dựng lực lượng vũ trang.
- ◆ **Nạn đói:** đóng góp, điều hòa thóc gạo, tăng gia sản xuất, giảm tô, giảm thuế.
- ◆ **Nạn dốt:** Nha bình dân học vụ (8/9/1945).
- ◆ **Tài chính:** đóng góp, phát hành tiền Việt Nam mới.

CHỐNG NGOẠI XÂM, NỘI PHẢN

Trước 6/3/1946

- ◆ Hòa Tưởng: nhượng ghế Quốc hội, cung cấp thực phẩm, phương tiện.
- ◆ Kiên quyết chống nội phản, tay sai.
- ◆ Chống Pháp trở lại xâm lược ở Nam Bộ.

Sau 6/3/1946

- ◆ Hòa Pháp đuổi Tưởng (Hiệp định Sơ bộ, Tạm ước).

Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946

- ◆ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là quốc gia tự do.
- ◆ 15000 quân Pháp ra Bắc thay quân Tưởng giải giáp quân Nhật.
- ◆ Ngừng xung đột ở miền Nam.

II. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp 1946 - 1950

1. Kháng chiến Toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ

Toàn quốc chống

thực dân Pháp

BỐI CẢNH

- ◆ Pháp bội ước, gửi tối hậu thư.
- ◆ Đảng quyết định Toàn quốc kháng chiến.

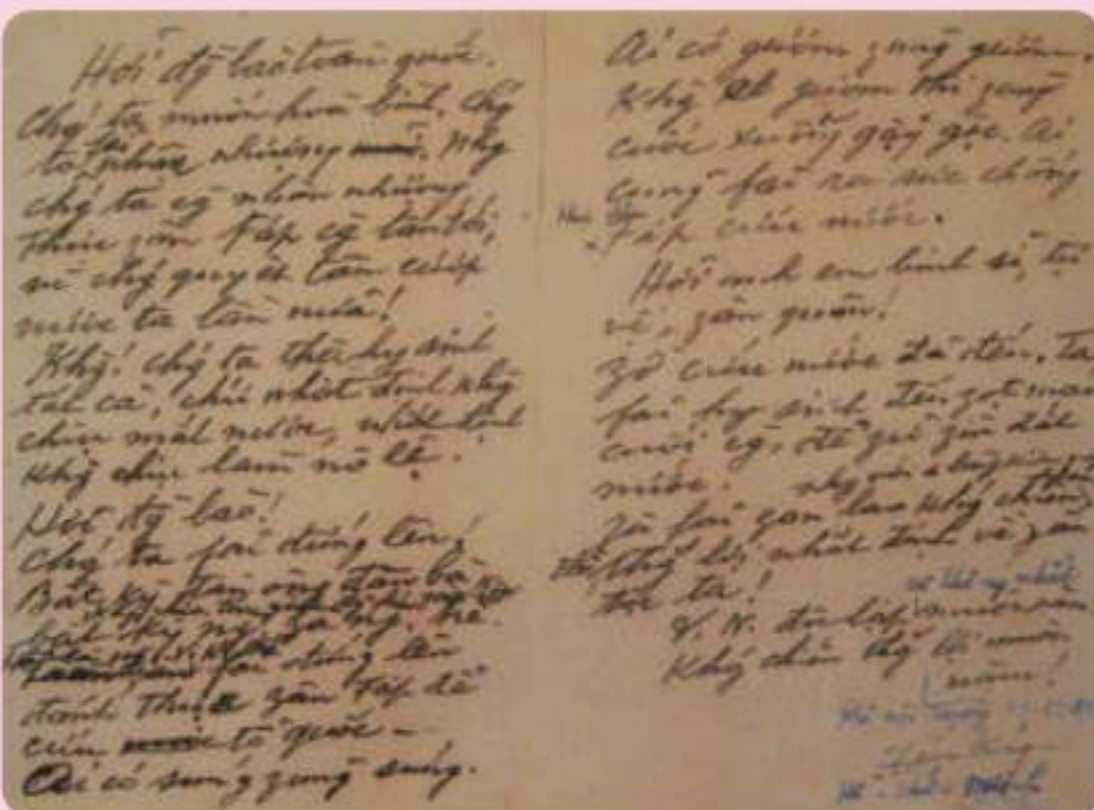


19/12/1946

Phát lệnh Toàn quốc kháng chiến

ĐƯỜNG LỐI

- ◆ Thể hiện qua: “Chỉ thị Toàn dân kháng chiến”; “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”; tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi”.
- ◆ Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.



CHIẾN ĐẤU Ở ĐÔ THỊ

- ◆ Bắt đầu từ 20/12/1946 ở Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Nam Định, Vinh, Huế, Đà Nẵng...
- ◆ Giam chân địch, chuẩn bị kháng chiến lâu dài.



2. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947

Âm mưu của Pháp

- ♦ Tiêu diệt cơ quan đầu não, quân chủ lực của Việt Nam.
- ♦ Triệt đường liên lạc quốc tế.
- ♦ Giành thắng lợi quân sự, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

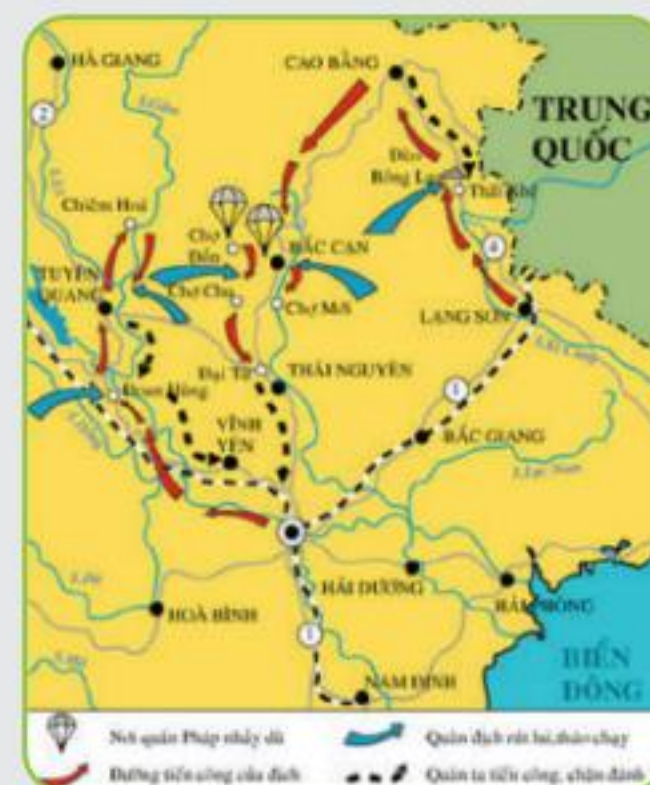


- ♦ Phá phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp.

Chủ trương của Đảng

Diễn biến

- ♦ 10/1947: Pháp đưa 12000 quân tấn công Việt Bắc.
- ♦ Quân ta chủ động tiến công địch ở Chợ Mới, Chợ Đồn, đường số 4, đèo Bông Lau, Đoan Hùng, Khe Lau...
- ♦ 12/1947, Pháp thất bại, rút khỏi Việt Bắc.



- ♦ Đẩy lui được cuộc tấn công của Pháp.
- ♦ Bảo vệ được cơ quan đầu não, bộ đội chủ lực thêm trưởng thành.
- ♦ Chiến dịch phản công lớn đầu tiên.
- ♦ Làm thất bại chiến lược đánh nhanh thắng nhanh, buộc Pháp chuyển sang đánh lâu dài.

Kết quả, ý nghĩa

3. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950

Hoàn cảnh

- ◆ 1949, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời.
- ◆ 1950, Trung Quốc, Liên Xô công nhận, đặt quan hệ ngoại giao.
- ◆ Mỹ can thiệp sâu vào Đông Dương.
- ◆ Pháp thực hiện kế hoạch Rove: phòng ngự trên đường số 4, lập hành lang Đông - Tây, cô lập và chuẩn bị tấn công Việt Bắc lần thứ hai.

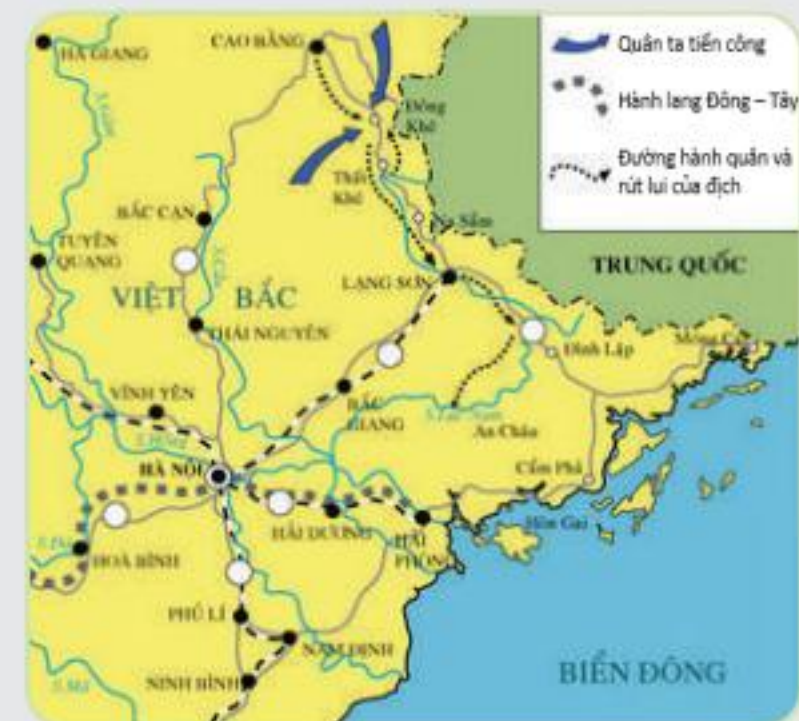


- ◆ 6/1950, ta chủ động mở chiến dịch Biên giới.
- ◆ Tiêu hao sinh lực địch, khai thông biên giới Việt - Trung.
- ◆ Mở rộng, củng cố căn cứ Việt Bắc.

Chủ trương của Đảng

Diễn biến

- ◆ Mở đầu chiến dịch là trận Đông Khê (16/9/1950).
- ◆ Quân ta chặn đánh nhiều điểm trên đường số 4, Pháp rút khỏi đường số 4 (22/10/1950).



- ◆ Loại 8.000 địch, khai thông biên giới Việt - Trung.
- ◆ Chọc thủng "hành lang Đông - Tây" làm phá sản kế hoạch Rove.
- ◆ Chiến lược tấn công lớn đầu tiên.
- ◆ Giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Kết quả, ý nghĩa

III. Bước phát triển của cuộc kháng chiến Toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 - 1953)

PHÁP ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH

- ♦ Mỹ can thiệp sâu: “Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương”; “Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mỹ”.
- ♦ 12/1950, Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhhi nhằm kết thúc nhanh chiến tranh.
- * Xây dựng lực lượng cơ động mạnh, phát triển Ngụy quân.
- * Lập “vành đai trắng” bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.
- * Tiến hành “chiến tranh tổng lực”.
- * Đánh phá hậu phương của Việt Nam.

**NĂM 1953 VIỆN
TRỢ CỦA MỸ CHIẾM
43% NGÂN SÁCH
CHIẾN TRANH
ĐÔNG DƯƠNG**

ĐẠI HỘI ĐẢNG (2/1951)



Nội dung

- ♦ Thông qua: “Báo cáo chính trị”, Báo cáo “Bàn về cách mạng Việt Nam”.
- ♦ Thành lập Đảng Mac – Lênin ở từng nước Đông Dương. Ở Việt Nam là Đảng Lao động Việt Nam.
- ♦ Bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị.

Ý nghĩa

“Đại hội kháng chiến thắng lợi”.

HẬU PHƯƠNG KHÁNG CHIẾN

Chính trị

- ♦ Mặt trận Liên Việt.
- ♦ Liên minh Việt - Miên - Lào.
- ♦ Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc.

Kinh tế

Đẩy mạnh sản xuất, chấn chỉnh thuế khóa, giảm tô, cải cách ruộng đất.

Giáo dục, văn hóa, y tế

- ♦ Giáo dục: cải cách với 3 phương châm “phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất”.
- ♦ Văn hóa: thực hiện “Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”.
- ♦ Y tế: chăm lo sức khỏe, bài trừ mê tín dị đoan.



IV. Cuộc kháng chiến Toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 - 1954)

1. Chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954

Cuộc tiến công chiến lược

Đông Xuân 1953 - 1954

Âm mưu của Pháp, Mỹ

- ◆ Sau 8 năm, Pháp thiệt hại nặng nề.
- ◆ Mỹ can thiệp sâu và chiến tranh Đông Dương.
- ◆ Đề ra kế hoạch Nava nhằm "kết thúc chiến tranh trong danh dự".



Giai đoạn 1



Giai đoạn 2

Chủ trương của Đảng

Phương hướng

- ◆ Mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.

Nhiệm vụ

- ◆ Tiêu diệt địch là chính.
- ◆ Buộc Pháp phải phân tán lực lượng.

Diễn biến

12/1953

- ◆ Tiến công Lai Châu. Điện Biên Phủ thành nơi tập trung binh lực *thứ hai*.

1/1954

- ◆ Liên quân Lào – Việt tiến công Thượng Lào. Luông Phabang thành nơi tập trung binh lực *thứ tư*.

12/1953

- ◆ Liên quân Lào - Việt tiến công Trung Lào. Xê nô trở thành nơi tập trung binh lực *thứ ba*.

2/1954

- ◆ Tiến công Bắc Tây Nguyên, Plâycu trở thành nơi tập trung binh lực *thứ năm*.

Kết quả, ý nghĩa

- ◆ Buộc Pháp phân tán lực lượng, kế hoạch Nava bước đầu phá sản.
- ◆ Tạo thế và lực cho cuộc kháng chiến tiến lên.

2. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

Điện Biên Phủ 1954

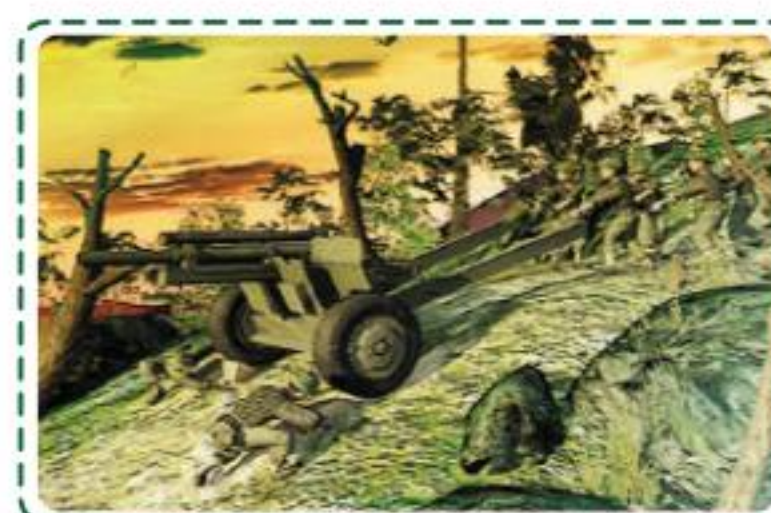
Âm mưu của Pháp, Mỹ

- ♦ Pháp xây dựng Điện Biên Phủ thành trung tâm kế hoạch Nava.
- ♦ Gồm 16.200 quân, bố trí thành ba phân khu với 49 cứ điểm.

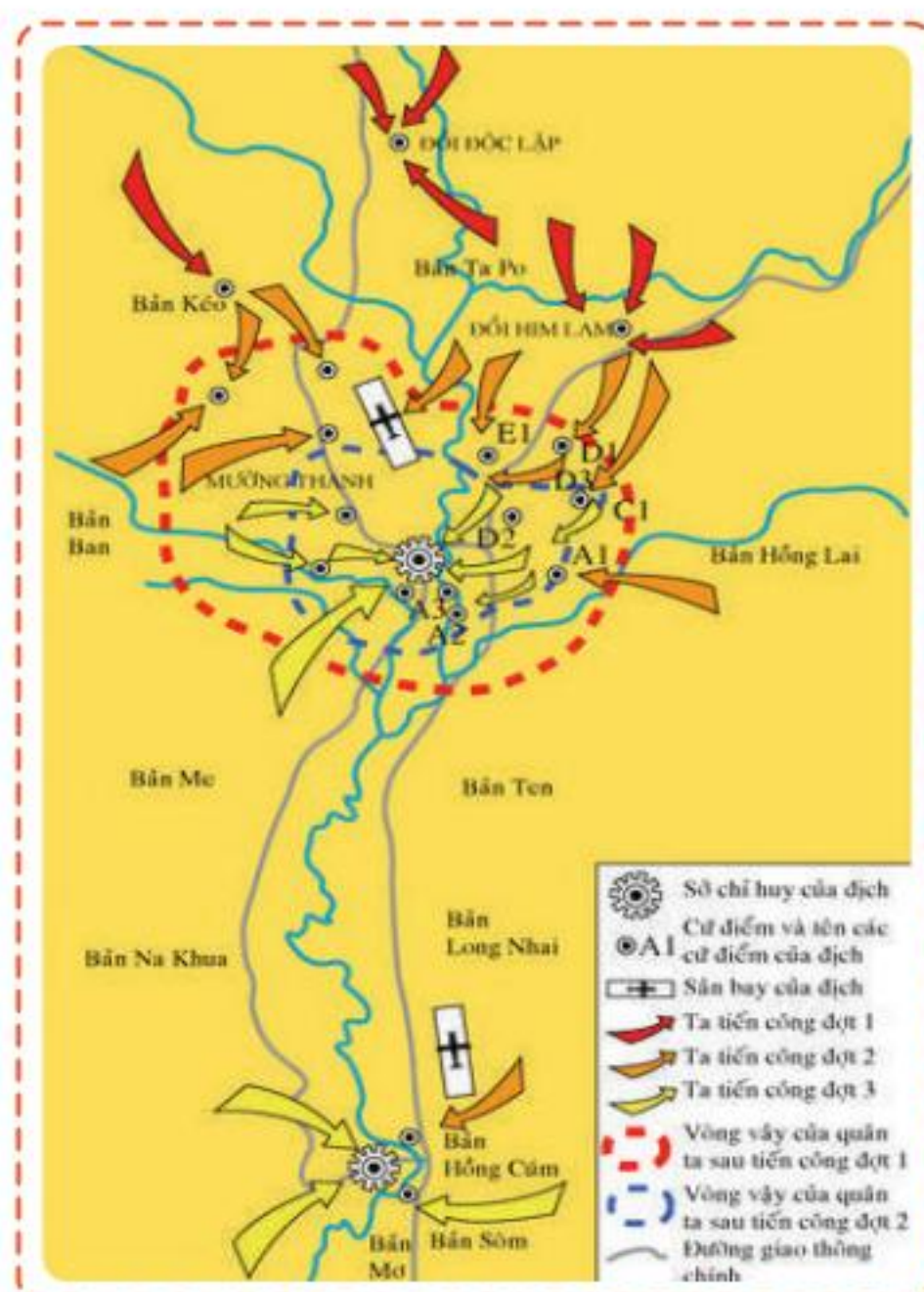


Chủ trương của Đảng

- ♦ 12/1953, Đảng quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ.
- ♦ Tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng Tây Bắc.
- ♦ Phương châm “Đánh chắc, tiến chắc”.



Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng



Diễn biến

Đợt 1 (13/3 - 17/03)

- ♦ Tiêu diệt phân khu Bắc, căn cứ Him Lam.

Đợt 2 (30/3 - 26/4)

- ♦ Đồng loạt tiến công phía đông khu Trung tâm Mường Thanh.

Đợt 3 (30/3 - 26/4)

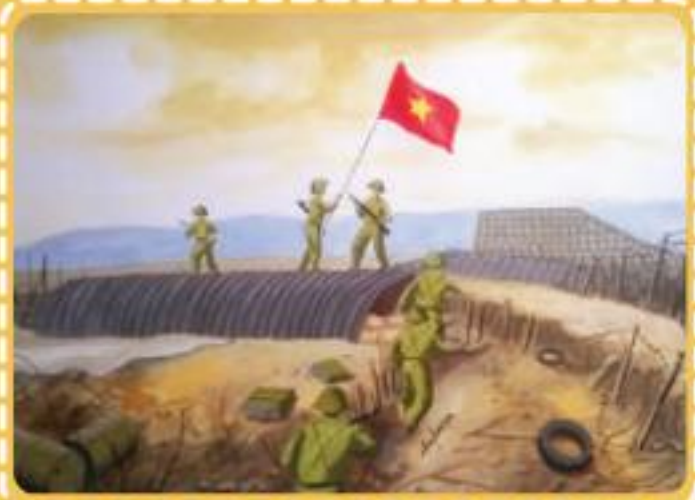
- ♦ Tiến công khu Trung tâm và phân khu Nam.

Kết quả, ý nghĩa

- ♦ Đập tan kế hoạch Nava.
- ♦ Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.
- ♦ Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao.

3. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương năm 1954

01



02



03



BỐI CẢNH

01

- ♦ Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ (7/5) buộc Pháp kí hiệp định Giơnevơ ngày 21/7/1954.

NỘI DUNG

02

- ♦ Các bên cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của 3 nước Đông Dương.
- ♦ Ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.
- ♦ Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.
- ♦ Cấm việc đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào Đông Dương.
- ♦ Việt Nam sẽ tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước (7/1956) dưới sự kiểm soát của một Ủy ban quốc tế.
- ♦ Trách nhiệm thi hành thuộc về những người kí Hiệp định và những người kế tục họ.

KẾT QUẢ, Ý NGHĨA

03

- ♦ Kết thúc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954).
- ♦ Văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Đông Dương.
- ♦ Đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

4. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)



Nguyên nhân thắng lợi

Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Toàn dân, toàn quân ta đoàn kết dũng cảm trong chiến đấu, lao động, sản xuất.

Có hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

Sự phối hợp chiến đấu và đoàn kết giúp đỡ của ba dân tộc ở Đông Dương.

Sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân khác, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.



Ý nghĩa lịch sử

Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị thực dân của Pháp.

Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ Latinh.

►►► CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. (Đề minh họa năm 2018) Trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng trước những khó khăn, thử thách nào?

- A. Nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính, giặc ngoại xâm và nội phản.
- B. Khối đoàn kết dân tộc bị chia rẽ sâu sắc, lực lượng chính trị suy yếu.
- C. Các đảng phái trong nước đều cấu kết với quân Trung Hoa Dân quốc.
- D. Quân Pháp trở lại Đông Dương theo quy định của Hội nghị Póttxđam.

Câu 2. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Theo thỏa thuận tại Hội nghị Póttxđam (1945), quân đội Trung Hoa Dân quốc vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật từ

- A. vĩ tuyến 17 trở vào Nam.
- B. vĩ tuyến 16 trở ra Bắc.
- C. vĩ tuyến 16 trở vào Nam.
- D. vĩ tuyến 17 trở ra Bắc.

Câu 3. Các tổ chức ở Việt Nam là tay sai của quân Trung Hoa Dân Quốc là

- A. Đại Việt, Việt Quốc.
- B. Việt Quốc, Việt Cách.
- C. Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, Phục Việt.
- D. Thanh Niên Cao Vọng, Tân Việt.

Câu 4. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, lực lượng Đồng minh nào vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật ở phía Nam vĩ tuyến 16?

- A. Quân Pháp.
- B. Quân Anh.
- C. Quân Mỹ.
- D. Quân Trung Hoa Dân quốc.

Câu 5. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Một trong những thuận lợi của Việt Nam sau ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công là gì?

- A. Quân Trung Hoa Dân quốc vào miền Bắc giải giáp quân Nhật.
- B. Chính phủ Việt Nam đã nắm giữ được Ngân hàng Đông Dương.
- C. Quân Anh vào miền Nam giải giáp quân Nhật.
- D. Nhân dân giành được quyền làm chủ đất nước.

Câu 6. Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố “tự giải tán” vào

- A. năm 1932.
- B. năm 1938.
- C. năm 1942.
- D. năm 1945.

Câu 7. Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được Quốc hội thông qua

- A. ngày 22/5/1946.
- B. ngày 9/11/1946.
- C. ngày 23/11/1946.
- D. ngày 6/1/1946.

Câu 8. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, để giải quyết căn bản nạn đói ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi

- A. “Người cày có ruộng”.
- B. “Tăng gia sản xuất”.
- C. “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói”.
- D. “Nhường cơm sẻ áo”.

Câu 9. (Đề minh họa lần 1 năm 2017) Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia

- A. tự do. B. tự trị. C. tự chủ. D. độc lập.

Câu 10. (Đề minh họa lần 1 năm 2017) Khó khăn nghiêm trọng nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. nạn đói. B. giặc đốt. C. tài chính. D. giặc ngoại xâm.

Câu 11. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước thay cho tiền Đông Dương từ ngày

- A. 8/9/1945. B. 23/11/1946. C. 6/1/1946. D. 22/5/1946.

Câu 12. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, các thế lực ngoại xâm và nội phản đều có âm mưu

- A. biến Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới.
B. mở đường cho Mĩ xâm lược Việt Nam.
C. chống phá cách mạng Việt Nam.
D. giúp Trung Hoa Dân quốc chiếm Việt Nam.

Câu 13. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Thành công của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (1946) ở Việt Nam chứng tỏ

- A. sự ủng hộ to lớn của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam.
B. quyền lực nhà nước chính thức thuộc về cơ quan hành pháp.
C. nhân dân có tinh thần đoàn kết và ý thức làm chủ đất nước.
D. nhân dân bước đầu giành chính quyền, làm chủ đất nước.

Câu 14. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Cuộc bầu cử Quốc hội khóa I và hội đồng nhân dân các cấp ở Việt Nam có tác dụng như thế nào đối với việc củng cố chính quyền nhân dân sau ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công?

- A. Nâng cao uy tín quốc tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
B. Đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
C. Làm cho các cơ quan tư pháp ở cơ sở được hoàn thiện.
D. Làm cho bộ máy nhà nước từng bước được kiện toàn.

Câu 15. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Ngày 8/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ để thực hiện nhiệm vụ gì?

- A. Khai giảng các bậc học. B. Cải cách giáo dục.
C. Bổ túc văn hóa. D. Chống giặc đốt.

Câu 16. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân cả nước “nhường cơm xẻ áo” nhằm giải quyết khó khăn gì?

- A. Khó khăn về tài chính. B. Nạn đói.

C. Nạn đói.

D. Khó khăn về tài chính và giải quyết nạn đói.

Câu 17. Cuộc vận động xây dựng “Quỹ độc lập”, phong trào “Tuần lễ vàng” ở Việt Nam nhằm giải quyết khó khăn gì?

A. Nạn đói.

B. Nạn đói.

C. Khó khăn về tài chính.

D. Nạn đói và nạn đói.

Câu 18. (Đề minh họa lần 2 năm 2017) Biện pháp căn bản và lâu dài để giải quyết nạn đói ở Việt Nam sau ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công là

A. nghiêm trị những người đầu cơ tích trữ lúa gạo.

B. thực hiện phong trào thi đua tăng gia sản xuất.

C. tổ chức điều hòa thóc gạo giữa các địa phương.

D. thực hiện lời kêu gọi cứu đói của Hồ Chí Minh.

Câu 19. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Việc giải quyết thành công nạn đói, nạn đói và khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có ý nghĩa gì?

A. Đánh dấu hoàn thành nhiệm vụ đánh đổ chế độ phong kiến.

B. Tạo cơ sở để các nước xã hội chủ nghĩa công nhận Việt Nam.

C. Tạo cơ sở thực lực để kí Hiệp định Sơ bộ với Pháp.

D. Góp phần tạo ra sức mạnh để bảo vệ chế độ mới.

Câu 20. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 6/3/1946, đối với quân Trung Hoa Dân quốc, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện chủ trương nào?

A. Hòa hoãn, tránh xung đột.

B. Kí hiệp ước hòa bình.

C. Vừa đánh vừa đàm phán.

D. Kiên quyết kháng chiến.

Câu 21. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Nội dung nào dưới đây thể hiện quan hệ giữa Việt Nam với Pháp từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 6/3/1946?

A. Hòa hoãn, tránh xung đột.

B. Thương lượng để chấm dứt xung đột.

C. Đối đầu trực tiếp về quân sự.

D. Vừa đánh vừa đàm phán.

Câu 22. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Trong bối cảnh Hiệp ước Hoa - Pháp được kí kết (tháng 2/1946), Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện chủ trương gì?

A. Hòa với thực dân Pháp để đánh quân Trung Hoa Dân quốc.

B. Hòa hoãn và nhân nhượng có nguyên tắc với thực dân Pháp.

C. Phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp.

D. Chiến đấu chống thực dân Pháp và quân Trung Hoa Dân quốc.

Câu 23 (Đề minh họa năm 2018) Từ ngày 6/3/1946 đến trước ngày 19/12/1946, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhân nhượng cho thực dân Pháp một số quyền lợi với nguyên tắc cao nhất là

- A. Đảng Cộng sản được hoạt động công khai.
- B. đảm bảo an ninh quốc gia.
- C. đảm bảo sự phát triển lực lượng chính trị.
- D. giữ vững chủ quyền dân tộc.

Câu 24. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Trong văn kiện ngoại giao nào dưới đây, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nhân nhượng đối phương về không gian để có thời gian đưa cách mạng tiếp tục tiến lên?

- A. Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam.
- B. Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946.
- C. Tạm ước Việt - Pháp ngày 14/9/1946.
- D. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương.

Câu 25. Việc kí kết hiệp định Sơ bộ, ngày 6/3/1946 của Việt Nam nhằm mục đích

- A. chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.
- B. phân hóa kẻ thù, tập trung đánh kẻ thù chủ yếu.
- C. tạo điều kiện để xây dựng đất nước sau chiến tranh.
- D. thể hiện thiện chí của ta trên trường quốc tế.

Câu 26. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Bản Hiệp định Sơ bộ được kí kết giữa đại diện Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đại diện Chính phủ Pháp ngày 6/3/1946 đã

- A. thừa nhận quyền bình đẳng, tự quyết của nhân dân Việt Nam.
- B. công nhận sự thống nhất của nước Việt Nam.
- C. công nhận nền độc lập của nước Việt Nam.
- D. thừa nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.

Câu 27. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Việc đàm phán và kí kết Hiệp định Sơ bộ giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với đại diện Chính phủ Pháp (6/3/1946) có tác dụng như thế nào?

- A. Đưa quan hệ giữa Việt Nam và Pháp từ đối đầu sang đối thoại.
- B. Tạo thời gian hòa bình để Việt Nam tổ chức bầu cử Quốc hội.
- C. Giúp Việt Nam ngăn chặn được mọi nguy cơ xung đột với Pháp.
- D. Thể hiện thiện chí hòa bình của hai chính phủ Việt Nam và Pháp.

Câu 28. Thái độ của thực dân Pháp sau khi kí Hiệp định Sơ bộ (6/3) và Tạm ước (14/9) năm 1946 là

- A. thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định và Tạm ước.
- B. chỉ thi hành Hiệp định, không thi hành Tạm ước.
- C. chỉ thi hành Tạm ước, không thi hành Hiệp định.
- D. ngang nhiên xé bỏ Hiệp định và Tạm ước.

Câu 29. Ý nghĩa quan trọng của việc Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với đại diện chính phủ Pháp bản Tạm ước (14/9/1946) là

- A. tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù nguy hiểm.
- B. đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc về nước.
- C. buộc thực dân Pháp phải công nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập.
- D. kéo dài thêm thời gian hòa hoãn để xây dựng và củng cố lực lượng, chuẩn bị đánh Pháp lâu dài.

Câu 30. Ý nào sau đây **không** phải là khó khăn của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Các cơ sở công nghiệp chưa kịp phục hồi sản xuất.
- B. Ngân sách nhà nước hầu như trống rỗng.
- C. Trên cả nước còn 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp.
- D. Nhân dân mới giành được chính quyền.

Câu 31. Cho các dữ liệu sau:

1. Bầu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
2. Thông qua Chính phủ liên hiệp kháng chiến.
3. Thông qua bản Hiến pháp đầu tiên.

Sắp xếp theo thời gian những biện pháp của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng chính quyền cách mạng sau ngày 2/9/1945?

- A. 1, 2, 3. B. 2, 1, 3. C. 3, 2, 1. D. 1, 3, 2.

Câu 32. Nội dung nào dưới đây **không** phải là biện pháp của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhằm khắc phục tình trạng trống rỗng về ngân sách?

- A. Kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân cả nước.
- B. Lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.
- C. Tạm thời sử dụng đồng “Quan kim”, “Quốc tệ”.
- D. Xây dựng quỹ “Độc lập”, phát động “Tuần lễ vàng”.

Câu 33. Nội dung nào dưới đây **không** nằm trong Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946?

- A. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là quốc gia tự do.
- B. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra

Bắc và rút dần trong 5 năm.

C. Tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi kinh tế và văn hóa.

D. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ.

Câu 34. (Đề minh họa lần 3 năm 2017) Nội dung nào dưới đây **không** phải là âm mưu và hành động của thực dân Pháp ở Việt Nam trong năm đầu sau ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công?

A. Khôi phục ách thống trị thực dân cũ ở ba nước Đông Dương.

B. Tái lập chế độ cai trị của chủ nghĩa thực dân cũ ở Việt Nam.

C. Thỏa hiệp với Trung Hoa Dân quốc để chống phá cách mạng.

D. Phối hợp với quân Anh để giải giáp quân Nhật ở miền Nam.

Câu 35. Nhiệm vụ chiến lược của Đảng để giữ vững thành quả Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. thành lập Chính phủ chính thức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

B. thực hiện nền giáo dục mới và giải quyết nạn đói.

C. quyết tâm kháng chiến chống Pháp xâm lược và trừng trị bọn nội phản.

D. củng cố, bảo vệ chính quyền cách mạng và ra sức xây dựng chế độ mới.

Câu 36. (Đề minh họa lần 2 năm 2017) Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ sau ngày 2/9/1945 đến ngày 19/12/1946 phản ánh quy luật nào của lịch sử dân tộc Việt Nam?

A. Dựng nước đi đôi với giữ nước.

B. Kiên quyết chống giặc ngoại xâm.

C. Luôn giữ vững chủ quyền dân tộc.

D. Mềm dẻo trong quan hệ đối ngoại.

Câu 37. Từ cuộc đấu tranh ngoại giao sau Cách mạng tháng Tám 1945 có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền Tổ quốc hiện nay?

A. Luôn luôn nhân nhượng với kẻ thù để có được môi trường hòa bình.

B. Luôn mềm dẻo trong đấu tranh và trong sách lược.

C. Mềm dẻo về sách lược, cương quyết trong đấu tranh.

D. Cương quyết trong đấu tranh, cứng rắn về sách lược.

Câu 38. (Đề minh họa lần 1 năm 2017) Ngày 12/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị

A. Toàn dân kháng chiến.

B. Kháng chiến kiến quốc.

C. Kháng chiến toàn diện.

D. Trường kì kháng chiến.

Câu 39. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) “Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc” là những câu trích từ tài liệu nào dưới đây?

A. “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Tổng Bí Thư Trường Chinh.

B. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

C. “Tuyên ngôn Độc lập” của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

D. “Toàn dân kháng chiến” của Ban Thường vụ Trung Ương Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 40. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” là của

- A. Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- B. Ban Thường vụ Trung ương Đảng.
- C. Tổng bí thư Trường Chinh.
- D. Trung ương Đảng.

Câu 41. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Nội dung nào dưới đây là sự tóm tắt đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) của Đảng Cộng sản Đông Dương?

- A. Toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh và tranh thủ các lực lượng hòa bình.
- B. Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- C. Toàn dân, toàn diện, lâu dài và tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Pháp.
- D. Toàn dân, toàn diện, trường kì và tranh thủ sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 42. (Đề minh họa lần 1 năm 2017) Khi thực dân Pháp mở cuộc tiến công lên Việt Bắc năm 1947, Trung ương Đảng ra chỉ thị nào?

- A. Phải chủ động đón đánh địch ở mọi nơi chúng xuất hiện.
- B. Chủ động giữ thế phòng ngự chiến lược trên chiến trường.
- C. Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp.
- D. Nhanh chóng triển khai lực lượng tiêu diệt sinh lực địch.

Câu 43. Theo kế hoạch Rove, trong năm 1950, Pháp đã thiết lập hệ thống phòng ngự ở những nơi nào?

- A. Đường số 4 và thiết lập “hành lang Đông - Tây”.
- B. Đồng bằng Bắc Bộ và Trung du.
- C. Lập phòng tuyến “Boong-ke” và “vành đai trắng” xung quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.
- D. Thiết lập hệ thống phòng thủ ở vùng trung du và miền núi phía Bắc.

Câu 44. Chiến thắng Biên giới (1950) của Việt Nam đã giải phóng vùng biên giới Việt - Trung từ Cao Bằng đến

- A. Thất Khê.
- B. Na sầm.
- C. Đình Lập.
- D. Lạng Sơn.

Câu 45. Sau chiến thắng Biên giới, Việt Nam đã giành được thế chủ động trên chiến trường nào?

- A. Chiến trường Bắc Bộ.
- B. Chiến trường rừng núi.
- C. Chiến trường Bình - Trị - Thiên.
- D. Chiến trường Bắc Đông Dương.

Câu 46. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Tài liệu nào dưới đây lần đầu tiên khẳng định sự nhân nhượng của nhân dân Việt Nam đối với thực dân Pháp xâm lược đã đến giới hạn cuối cùng?

- A. “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Tổng Bí thư Trường Chinh.
- B. “Tuyên ngôn Độc lập” của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- C. “Toàn dân kháng chiến” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 47. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (19/12/1946) là do

- A. Việt Nam đã tranh thủ được sự ủng hộ của Liên Xô và một số nước khác.
- B. quá trình chuẩn bị lực lượng của Việt Nam cho cuộc kháng chiến đã hoàn tất.
- C. Pháp ráo riết chuẩn bị lực lượng để tiến hành xâm lược Việt Nam.
- D. Việt Nam không thể tiếp tục sử dụng biện pháp hòa bình với Pháp được nữa.

Câu 48. Tinh thần kháng chiến chống thực dân Pháp được khẳng định như thế nào trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

- A. Thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước.
- B. Bất kì đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ.
- C. Không chia tôn giáo, đảng phái.
- D. Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng.

Câu 49. Vì sao cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam diễn ra trước tiên ở các đô thị?

- A. Đô thị là nơi quân Pháp tập trung đông lực lượng nhất.
- B. Quân Pháp không quen địa bàn, sẽ thuận lợi cho quân dân ta chiến đấu.
- C. Giam chân quân Pháp ở các đô thị, bảo vệ cơ quan đầu não và rút dần lực lượng lên Việt Bắc.
- D. Tạo điều kiện cho cơ quan đầu não rút lên căn cứ Việt Bắc an toàn.

Câu 50. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Nhiệm vụ chủ yếu của quân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 (từ tháng 12/1946 đến tháng 2/1947) là

- A. bảo vệ Hà Nội và các đô thị.
- B. củng cố hậu phương kháng chiến.
- C. tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch.
- D. giam chân quân Pháp tại các đô thị.

Câu 51. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 của quân dân Việt Nam đã phá tan được âm mưu nào của thực dân Pháp?

- A. Đánh nhanh, thắng nhanh.
- B. Đánh úp.
- C. Dùng người Việt trị người Việt.
- D. Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Câu 52. Ý nghĩa lớn nhất của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 (từ ngày 19/12/1946) là

- A. làm thất bại ý chí xâm lược của thực dân Pháp.
- B. làm thất bại bước đầu kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.
- C. tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân cả nước đi vào kháng chiến lâu dài ở căn cứ Việt Bắc.
- D. bảo vệ được cơ quan đầu não của Đảng ở các đô thị phía Bắc.

Câu 53. (Đề minh họa lần 3 năm 2017) Việc Mỹ đồng ý với Pháp thực hiện kế hoạch Rove (5/1949) là mốc mở đầu cho

- A. chính sách xoay trục của Mỹ sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương.
- B. thời kì Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu ở khu vực Đông Nam Á.
- C. quá trình Mỹ dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.
- D. sự hình thành liên minh quân sự giữa hai cường quốc Pháp và Mỹ.

Câu 54. (Đề minh họa lần 1 năm 2017) Chiến dịch nào dưới đây là chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)?

- A. Thượng Lào năm 1954.
- B. Điện Biên Phủ năm 1954.
- C. Việt Bắc thu - đông năm 1947.
- D. Biên giới thu - đông năm 1950.

Câu 55. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Đông Khê được chọn là nơi mở đầu chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 của quân dân Việt Nam, vì đó là vị trí

- A. quan trọng nhất và tập trung cao nhất binh lực của Pháp.
- B. án ngữ Hành lang Đông - Tây của thực dân Pháp.
- C. ít quan trọng nên quân Pháp không chú ý phòng thủ.
- D. có thể đột phá, chia cắt tuyến phòng thủ của quân Pháp.

Câu 56. Ý nghĩa lịch sử quan trọng nhất của chiến thắng Biên giới năm 1950 là

- A. chiến thắng oanh liệt nhất, buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh.
- B. bảo vệ an toàn căn cứ địa Việt Bắc.
- C. chấm dứt kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” buộc Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.
- D. địch bị đẩy lùi vào thế phòng ngự bị động, ta giành được quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính.

Câu 57. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 đã mở ra bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) của Việt Nam vì

- A. đã giải phóng được một vùng đất đai rộng lớn, đông dân.
- B. giành được thế chủ động trên chiến trường chính ở Bắc Bộ.
- C. bộ đội chủ lực trưởng thành, khai thông được biên giới Việt - Trung.
- D. đã làm phá sản kế hoạch Rove của thực dân Pháp có sự can thiệp của Mỹ.

Câu 58. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947?

- A. Chứng tỏ sự đúng đắn trong đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng.
- B. Buộc thực dân Pháp phải chuyển từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài.
- C. Quân đội Việt Nam giành được quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- D. Mở ra giai đoạn phát triển mới trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Câu 59. Nội dung nào dưới đây **không** phải là lí do để Đảng và Chính phủ Việt Nam quyết định mở chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?

- A. Khai thông đường biên giới Việt - Trung.
- B. Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực quân Pháp ở Tây Bắc.
- C. Đánh bại chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp.
- D. Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, tạo điều kiện thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên.

Câu 60. Nội dung nào dưới đây **không** phải là ý nghĩa của chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?

- A. Con đường liên lạc của ta với các nước xã hội chủ nghĩa được khai thông.
- B. Quân đội ta giành được thế chủ động trên chiến trường Đông Dương.
- C. Quân đội ta giành được thế chủ động trên chiến trường chính ở Bắc Bộ.
- D. Chiến dịch chủ động tiến công đầu tiên của bộ đội chủ lực, mở ra bước ngoặt của kháng chiến.

Câu 61. Nội dung của Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương giữa Mỹ và Pháp là

- A. Mỹ viện trợ vũ khí, quân sự và cử cố vấn cho Pháp.
- B. Mỹ viện trợ kinh tế và cố vấn quân sự cho Pháp.
- C. Mỹ viện trợ quân sự, kinh tế - tài chính cho Pháp.
- D. Mỹ viện trợ kinh tế - tài chính cho Pháp.

Câu 62. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (tháng 2/1951) quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai ở Việt Nam với tên gọi

- A. Đảng Dân chủ Việt Nam.
- B. Đảng Lao động Việt Nam.
- C. Đảng Dân chủ Đông Dương.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 63. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Một trong ba phương châm của công cuộc cải cách giáo dục phổ thông ở Việt Nam trong những năm 1950 - 1953 là

- A. “phát triển xã hội”.
- B. “phục vụ sản xuất”.
- C. “phục vụ chiến đấu”.
- D. “đại chúng hóa”.

Câu 64. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Để bồi dưỡng sức dân, đầu năm 1953 Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã quyết định

- A. đẩy mạnh cải cách ruộng đất và thực hành tiết kiệm.
- B. đẩy mạnh sản xuất và chấn chỉnh chế độ thuế khóa.
- C. phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.
- D. mở cuộc vận động tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm.

Câu 65. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (tháng 12/1950) của thực dân Pháp ở Đông Dương **không** có nội dung nào dưới đây?

- A. Tăng cường phòng ngự trên Hành lang Đông - Tây.
- B. Tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định vùng tạm chiếm.
- C. Xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh.
- D. Kết hợp chiến tranh tâm lý với chiến tranh kinh tế.

Câu 66. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Điểm chung về mục đích của thực dân Pháp khi đề ra kế hoạch Rove và kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam (1945 - 1954) là

- A. chuẩn bị tiến công lên Việt Bắc.
- B. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
- C. giành quyền chủ động chiến lược.
- D. khóa chặt biên giới Việt - Trung.

Câu 67. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi đã gây ra khó khăn gì cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam?

- A. Buộc Việt Nam phải đàm phán với Pháp.
- B. Ngăn chặn con đường liên lạc giữa cách mạng Việt Nam với thế giới bên ngoài.
- C. Đẩy Việt Nam vào tình thế bị động đối phó.
- D. Phá hoại hậu phương kháng chiến của Việt Nam.

Câu 68. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 2/1951) có ý nghĩa là

- A. Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. Đại hội kháng chiến thắng lợi.
- C. Đại hội kháng chiến toàn dân.
- D. Đại hội xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 69. Vì sao tại Đại hội toàn quốc lần thứ II (2/1951), Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định tách Đảng và thành lập ở mỗi nước Đông Dương một chính đảng vô sản riêng?

- A. Vì đó là xu thế chung của thế giới.
- B. Vì sự chia rẽ của thực dân Pháp.
- C. Vì Quốc tế Cộng sản chỉ đạo.
- D. Vì phù hợp đặc điểm riêng của từng nước.

Câu 70. Cho các dữ liệu sau:

1. Mặt trận Liên Việt.
2. Mặt trận Việt Minh.
3. Mặt trận Việt - Miên - Lào.
4. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo đúng trình tự thời gian?

- A. 1, 2, 4, 3. B. 2, 4, 1, 3. C. 4, 2, 1, 3. D. 4, 1, 3, 2.

Câu 71. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương, từ năm 1950 đến tháng 7/1954 Chính phủ Pháp đã nhận viện trợ của nước nào?

- A. Anh. B. Nhật. C. Mỹ. D. Đức.

Câu 72. (Đề minh họa năm 2018) Thực hiện kế hoạch Nava, từ thu - đông 1953 thực dân Pháp tập trung 44 tiểu đoàn quân cơ động ở đâu?

- A. Tây Bắc. B. Đồng bằng Bắc Bộ.
C. Tây Nguyên. D. Nam Đông Dương.

Câu 73. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Trong thời kì 1945 - 1954, quân đội và nhân dân Việt Nam đã mở chiến dịch nào để tiêu diệt một tập đoàn cứ điểm của thực dân Pháp ở Đông Dương?

- A. Việt Bắc. B. Thượng Lào. C. Điện Biên Phủ. D. Biên giới.

Câu 74. Từ cuối 1953 đến đầu 1954, Pháp phải phân tán lực lượng ra những vùng nào?

- A. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Xê nô, Luôngphabăng.
B. Điện Biên Phủ, Xê nô, Plâycu, Luôngphabăng.
C. Điện Biên Phủ, Xê nô, Plâycu, Sầm Nưa.
D. Điện Biên Phủ, Thà Khẹt, Plâycu, Luôngphabăng.

Câu 75. Theo Hiệp định Giơnevơ, ở Việt Nam giới tuyến quân sự tạm thời là

- A. vĩ tuyến 15. B. vĩ tuyến 16. C. vĩ tuyến 17. D. vĩ tuyến 20.

Câu 76. Theo Hiệp định Giơnevơ lực lượng kháng chiến ở đâu **không** có vùng tập kết?

- A. Ở Lào. B. Ở Lào và Campuchia.
C. Ở Việt Nam. D. Ở Campuchia.

Câu 77. Lí do chủ yếu khiến Pháp cử Nava làm tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương là

- A. vì Pháp bị thiệt hại nặng nề, vùng chiếm đóng bị thu hẹp, khó khăn về kinh tế, tài chính.
B. vì chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953) đã kết thúc.
C. vì nhân dân Pháp ngày càng phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam.
D. vì Nava được Mỹ chấp nhận.

Câu 78. Nội dung cơ bản trong bước 1 của kế hoạch quân sự Nava là

- A. phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tấn công chiến lược ở miền Nam.
- B. phòng ngự chiến lược ở miền Nam, tấn công chiến lược ở miền Bắc.
- C. tấn công chiến lược ở hai miền Nam - Bắc.
- D. phòng ngự chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

Câu 79. Kế hoạch Nava khi mới ra đời đã hàm chứa yếu tố thất bại vì

- A. phong trào chiến tranh du kích tại Việt Nam đang phát triển.
- B. không đủ quân để tập trung binh lực xây dựng lực lượng cơ động.
- C. bị mất quyền chủ động chiến lược trên toàn chiến trường Đông Dương.
- D. ra đời trong khó khăn bị động, mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán.

Câu 80. Vì sao tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Nava?

- A. Điện Biên Phủ có chiến lược quan trọng, được xây dựng kiên cố và cách xa hậu phương của ta.
- B. Điện Biên Phủ bị địch chiếm từ lâu.
- C. Điện Biên Phủ được Pháp xây dựng kiên cố.
- D. Điện Biên Phủ gần với vùng Pháp đang chiếm đóng.

Câu 81. (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017) Tháng 9/1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra chủ trương tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu nhằm

- A. làm thất bại kế hoạch tập trung binh lực của thực dân Pháp.
- B. giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.
- C. tiêu diệt toàn bộ lực lượng quân sự của thực dân Pháp.
- D. buộc thực dân Pháp phải đàm phán để kết thúc chiến tranh.

Câu 82. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Trong cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954, quân đội và nhân dân Việt Nam thực hiện kế sách gì để đối phó với kế hoạch Nava?

- A. Lừa địch để đánh địch.
- B. Đánh điểm, diệt viện.
- C. Đánh vận động và công kiên.
- D. Điều địch để đánh địch.

Câu 83. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), thắng lợi nào của quân dân Việt Nam đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947.
- B. Chiến dịch Thượng Lào xuân - hè năm 1953.
- C. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Câu 84. (Đề minh họa lần 1 năm 2017) Sự kiện nào là mốc đánh dấu kết thúc cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)?

- A. Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.
- B. Bộ đội Việt Nam tiến vào tiếp quản Hà Nội.
- C. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết.
- D. Quân Pháp xuống tàu rút khỏi Hải Phòng.

Câu 85. Thắng lợi to lớn nhất mà nhân dân Việt Nam đạt được trong Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là

- A. miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.
- C. các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.
- D. đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Câu 86. Thắng lợi của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) có ý nghĩa quốc tế sâu sắc vì

- A. đã góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi.
- B. đã góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mỹ Latinh.
- C. góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ Latinh.
- D. tạo điều kiện cho cách mạng Lào, Campuchia và các nước Đông Bắc Á phát triển, giành thắng lợi.

Câu 87. Cho các dữ liệu sau:

- 1. Chiến dịch Lai Châu.
- 2. Chiến dịch Thượng Lào.
- 3. Chiến dịch Bắc Tây Nguyên.

Sắp xếp các dữ liệu trên theo thời gian trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954?

- A. 1, 2, 3.
- B. 3, 2, 1.
- C. 2, 1, 3.
- D. 1, 3, 2.

Câu 88. (Đề minh họa lần 1 năm 2017) Điểm chung trong kế hoạch Rơve năm 1949, kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi năm 1950 và kế hoạch Nava năm 1953 là

- A. bảo vệ chính quyền Bảo Đại do Pháp lập ra.
- B. kết thúc chiến tranh trong danh dự.
- C. muốn xoay chuyển cục diện chiến tranh.
- D. phô trương thanh thế, tiềm lực, sức mạnh.

Câu 89. (Đề minh họa năm 2018) Chiến dịch Biên giới thu - đông (1950) và chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) của Việt Nam đều nhằm

- A. giữ vững thế chủ động chiến lược trên chiến trường.
- B. tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực đối phương.
- C. làm cho quân Pháp phải phân tán lực lượng để đối phó.
- D. phá vỡ âm mưu bình định, lấn chiếm của thực dân Pháp.

Câu 90. Điểm khác biệt căn bản về phương châm tác chiến của Việt Nam khi mở Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 so với cuộc tiến công trong đông xuân 1953 - 1954 là

- A. đánh vào những nơi quan trọng mà Pháp sơ hở, buộc chúng phải phân tán lực lượng ra nhiều nơi.
- B. đánh vào nơi tập trung binh lực lớn nhất của quân Pháp ở Đông Dương để kết thúc chiến tranh.
- C. đánh vào những nơi quan trọng của Pháp, buộc chúng gặp khó khăn để rút dân quân về nước.
- D. làm thất bại hoàn toàn Kế hoạch Nava, buộc Pháp phải ngồi vào bàn thương lượng.

Câu 91. (Đề minh họa lần 1 năm 2017) Nguyên tắc quan trọng nhất của Việt Nam trong việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương (21/7/1954) là

- A. phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.
- B. đảm bảo giành thắng lợi từng bước.
- C. giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.
- D. không vi phạm chủ quyền dân tộc.

Câu 92. Trong các nội dung sau, nội dung nào **không** nằm trong Hiệp định Giơnevơ về việc kết thúc chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương (21/7/1954)?

- A. Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do vào tháng 7/1956.
- B. Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ để giải quyết vấn đề Đông Dương bằng con đường hòa bình.
- C. Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.
- D. Cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương.

Câu 93. Nội dung nào dưới đây **không** phải là nguyên nhân chủ quan làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954)?

- A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.
- B. Toàn quân, toàn dân đoàn kết một lòng, dũng cảm trong chiến đấu, cần cù trong lao động sản xuất.
- C. Lực lượng vũ trang ba thứ quân sớm được xây dựng và không ngừng lớn mạnh.
- D. Có sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Câu 94. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Nội dung nào **không** phản ánh đúng âm mưu của Mĩ ở Đông Dương trong những năm 1951 - 1954?

- A. Ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội.
- B. Đưa quân đội tham chiến trực tiếp.
- C. Từng bước thay chân quân Pháp.
- D. Quốc tế hóa cuộc chiến tranh Đông Dương.

Câu 95. Trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954), Đảng và Chính phủ Việt Nam đã đề ra và thực hiện đường lối kháng trường kì vì

- A. nhân dân cần phải tạo sức mạnh tổng hợp, vừa “kháng chiến”, vừa “kiến quốc”.
- B. Pháp mạnh hơn ta về mọi mặt, Việt Nam cần có thời gian để chuyển hóa lực lượng.
- C. xuất phát từ tư tưởng “chiến tranh nhân dân”, lấy dân làm gốc.
- D. Pháp rất mạnh, cần phải tranh thủ chờ đợi sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 96. (Đề thi THPT Quốc gia 2018) Điểm chung về hoạt động quân sự của quân dân Việt Nam trong các chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947, Biên giới thu - đông năm 1950 và Điện Biên Phủ năm 1954 là có sự kết hợp giữa

- A. đánh điểm, diệt viện và đánh vận động.
- B. chiến trường chính và vùng sau lưng địch.
- C. tiến công quân sự và nổi dậy của nhân dân.
- D. bao vây, đánh lấn và đánh công kiên.

Câu 97. (Đề minh họa lần 3 năm 2017) Trong thời kì 1945 - 1954, các chiến dịch của quân đội và nhân dân Việt Nam đều nhằm

- A. củng cố và mở rộng căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc.
- B. phá âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của giặc Pháp.
- C. hỗ trợ chiến tranh du kích trong vùng tạm bị chiếm.
- D. tiêu diệt một bộ phận sinh lực của thực dân Pháp.

Câu 98. Điểm tương đồng về mục tiêu mở các chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) của quân dân Việt Nam là

- A. mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.
- B. tiêu diệt một phần quan trọng sinh lực quân Pháp.
- C. giải phóng vùng Tây Bắc Việt Nam.
- D. phá vỡ âm mưu bình định, lấn chiếm của Pháp.

Câu 99. Nhận định nào đúng nhất về vai trò của hậu phương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) của nhân dân Việt Nam?

- A. Hậu phương đã cung cấp sức người, sức của cho quân ta mở các chiến dịch quyết định, giành thắng lợi, thúc đẩy cuộc kháng chiến đi lên.
- B. Hậu phương đã đem lại quyền lợi cho nhân dân, động viên khích lệ chiến sĩ ngoài chiến trường.
- C. Hậu phương đáp ứng nhu cầu cung cấp cho kháng chiến ngày càng lớn về vật chất và tinh thần, là nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của chiến tranh.
- D. Hậu phương vững mạnh là nền móng để xây dựng nền kinh tế của một nhà nước mới, hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc.

Câu 100. Nguyên nhân quyết định nhất đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Việt Nam là

- A. toàn quân toàn dân đoàn kết dũng cảm chiến đấu.
- B. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.
- C. tình đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc Đông Dương.
- D. sự ủng hộ giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô.

Đáp án

1. A	2. B	3. B	4. B	5. D	6. D	7. B	8. B	9. A	10. D
11. B	12. C	13. C	14. D	15. D	16. B	17. C	18. B	19. D	20. A
21. C	22. B	23. D	24. B	25. B	26. B	27. A	28. D	29. D	30. D
31. A	32. C	33. C	34. D	35. D	36. A	37. C	38. A	39. B	40. C
41. B	42. C	43. A	44. C	45. A	46. D	47. D	48. A	49. C	50. D
51. B	52. B	53. C	54. D	55. D	56. D	57. B	58. C	59. C	60. B
61. C	62. B	63. B	64. C	65. A	66. B	67. D	68. B	69. D	70. C
71. C	72. B	73. C	74. B	75. C	76. D	77. A	78. A	79. D	80. A
81. A	82. D	83. D	84. C	85. B	86. C	87. A	88. B	89. B	90. B
91. D	92. B	93. D	94. B	95. B	96. B	97. D	98. B	99. C	100. B